

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày: 26-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Ty,
2. Ông Cầm Văn Nam.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân TP.B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (Tp. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Thanh T, tên gọi khác: T Tép; sinh ngày: 04/10/1993, tại Sóc Trăng; NĐKHKT: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Không nơi ở nhất định; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; con ông: Đặng Thanh Đ và bà: Hứa Thị Đ; sống chung như vợ chồng với chị Hà Thị Lê Q có 01 người con; tiền án: Tại bản án số 41/2011/HSST ngày 13/5/2011 Tòa án nhân dân Tp. B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 02 năm tù về tội Cướp tài sản; tại bản án số 43/2014/HSST ngày 11/9/2014 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án này T đã tái phạm; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/10/2017 đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: Trần Nhật T; sinh ngày: 01/3/1994, tại Lâm Đồng; NĐKHKT và nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; con ông: Trần Văn D và bà: Cao Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2017 cho đến nay, có mặt.

- Người bị hại:

Anh Hồ Hải Đ, sinh năm: 1997; Nơi cư trú: Số X, đường T, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt;

Anh Vũ Quang V, sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Lâm Anh H, sinh năm: 1994; nơi cư trú: Số X, đường T, tổ Y, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt;

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Bá V, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Số V, đường T, tổ Y, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt;

Anh Nguyễn Anh T, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Lô A, đường N, Phường F, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ 00 ngày 08/10/2017, Đặng Thanh T cùng với Trần Nhật T và Nguyễn Anh T đi tới quán Internet “Vip” của anh Ngô Thế M, ở Lô A, đường N, Phường F, TP. B để thuê máy tính chơi điện tử. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì anh M tới nhắc nhở nhóm của T trả tiền thuê máy tính nhưng nhóm của T không có tiền trả. Đặng T rủ Trần T thuê taxi tới khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị T, ở địa chỉ hẻm M, đường P, tổ X, phường Y, Tp. B để tìm phòng của anh Hồ Hải Đ, mục đích hù dọa anh Đ để lấy tài sản tới trả tiền thuê máy tính. Trên đường đi Đặng T mang theo 01 con dao bằng kim loại, mũi nhọn dài khoảng 15cm, Trần T mang theo 01 con dao lưỡi bằng kim loại, dài khoảng 20cm. Khi cả hai tới phòng của anh Đ thì thấy cửa chính đóng, bên trong có anh Đ cùng với anh Lâm Anh H và anh Nguyễn Bá V đang ở trong nhà. Trần T tới gọi cửa và nói dối là có người đang đuổi đánh nên xin vào trốn, anh Đ nghe vậy nên mở cửa cho Trần T vào. Sau khi anh Đ mở cửa thì Trần T và Đặng T cùng đi vào. Đặng T dùng tay phải cầm dao đưa vào vùng cổ của anh Đ, đồng thời dùng tay trái nắm lấy cổ áo, dùng đầu gối thúc vào ngực của anh Đ bắt anh Đ lục tìm tài sản trong người ra đưa cho Đặng T, nhưng anh Đ không có tài sản trong người. Đặng T cầm dao dí vào lưng anh Đ, cầm cổ áo kéo anh Đ vào phòng ngủ để tìm tài sản nhưng không có gì còn Trần T cầm dao đứng cạnh anh H ở vị trí phòng khách. Do anh Đ không có tài sản gì nên cả hai dọa đưa anh Đ đi khỏi phòng trọ. Lo sợ bị Đặng T và Trần T tiếp tục đánh mình nên anh Đ nói với anh H có tài sản gì thì đưa cho Đặng T. Anh H lấy trong túi quần ra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 635 màu đen đưa cho Trần T. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại Đặng T thả anh Đ ra và nói với Đ khi nào có tiền mang tới sẽ cho chuộc điện thoại. Đặng T cùng Trần T quay lại quán Internet của anh M mang chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được thế chấp cho anh M để thanh toán 412.000đ (bốn trăm mười hai ngàn đồng) tiền thuê máy tính rồi Đặng T, Trần T, và Nguyễn Anh T về nhà trọ của Đặng T ở số X, đường N, Phường Y, Tp. B ngủ.

Đến sáng ngày 09/10/2017 do lo sợ nên Đặng T nói với Trần T và Nguyễn Anh T tới nhà chị gái của Đặng T tên Đoàn Thị Nh mượn 500.000đ rồi mang tới thanh toán tiền internet cho anh M, chuộc lại chiếc điện thoại mà Đặng T, Trần T lấy của anh H. Sau khi chuộc lại điện thoại thì Trần T và Nguyễn Anh T mang chiếc điện thoại trên tới trả lại cho anh Đ và anh Đ trả lại cho anh H.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 81 ngày 12/10/2017 của

Hội đồng định giá UBND Tp. B xác định: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia Lumia 635 trị giá 800.000đ (tám trăm ngàn đồng).

Ngoài ra bị cáo Đặng Thanh T còn khai nhận hành vi phạm tội khác, cụ thể như sau: Khoảng 21 giờ ngày 20/10/2017, T tới khu nhà trọ ở hẻm X, đường H, phường L tìm phòng trọ, thấy có phòng trọ số 02 của dãy phòng trọ không có người thuê và không khóa cửa phòng nên T đi vào ngủ. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 21/10/2017 T tỉnh dậy đi ra ngoài trước cửa phòng trọ thì phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Axelo, biển số 49H1 - 152.34 của anh Vũ Quang V đang dựng ở trong sân của khu phòng trọ, trên ổ khóa xe còn cắm chìa khóa nên thực hiện hành vi trộm cắp. T dắt xe ra ngoài cổng khu nhà trọ nổ máy chạy về khu vực xã B', huyện B, tỉnh Lâm Đồng thì dừng xe và ngủ lại trên ghế đá ven đường. Đến 09 giờ cùng ngày, T gọi điện cho Hồ Việt H, HKTT: số nhà X, đường N, Phường Y, Tp. B để nhờ H mang xe đi cầm cố. Nhưng sau khi T đưa xe cho H thì H bỏ đi luôn và không liên lạc lại với T nữa.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 100 ngày 12/12/2017 của Hội đồng định giá, UBND Tp. B thì chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Axelo biển số 49H1 - 152.34 trị giá 18.543.000đ (mười tám triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng)

Về trách nhiệm dân sự: Anh H, anh Đ không yêu cầu về phần dân sự. Anh V yêu cầu bị cáo Đặng T bồi thường trị giá chiếc xe bị mất là 18.543.000đ (mười tám triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Vật chứng của vụ án: 02 con dao các bị cáo sử dụng uy hiếp anh Đ không thu hồi được; chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia Lumia 635 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H là chủ sở hữu.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không có thắc mắc khiếu nại đối với nội dung bản cáo trạng. Các Bị cáo nhận thức hành vi cướp tài sản và trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Người bị hại của anh Vũ Quang V yêu cầu bị cáo Đặng T bồi thường số tiền 18.543.000đ (mười tám triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKS.BL ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Đặng Thanh T, về tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 133 và c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999; bị cáo Trần Nhật T bị truy tố về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Ngày 08/10/2017 tại Phường X, TP.B, Đặng Thanh T và Trần Nhật T đã có hành vi dùng dao đe dọa uy hiếp tinh thần và dùng vũ lực tấn công anh Hồ Hải Đ nhằm chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 635 màu đen trị giá 800.000đ (tám trăm ngàn đồng). Ngoài ra, ngày 21/10/2017 Đặng Thanh T còn có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Axelo, trị giá 18.543.000đ (mười tám triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng) của anh Vũ Quang V. Hành vi của Đặng Thanh T và Trần Nhật T là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về

tài sản của công dân gây mất trật tự trị an tại địa phương, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Đặng Thanh T từ 08 đến 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”, từ 36 đến 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Trần Nhật T từ 48 đến 54 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Buộc bị cáo Đặng Thanh T bồi thường cho anh V số tiền 18.543.000đ (mười tám triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an Tp. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tp. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đặng Thanh T có 02 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản cùng Trần Nhật T đã có hành vi dùng dao đe dọa uy hiếp tinh thần, dùng vũ lực tấn công anh Hồ Hải Đ nhằm chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 635 trị giá 800.000đ (tám trăm ngàn đồng). Ngoài ra Đặng Thanh T còn có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Axelo, biển số 49H1-152.34 trị giá 18.543.000đ (mười tám triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng) của anh Vũ Quang V. Hành vi của bị cáo Đặng Thanh T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Hành vi của bị cáo Trần Nhật T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, tội danh và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy

nhiên khi lượng hình cũng cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định trong Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo: Các bị cáo thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường thiệt hại quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo Trần Nhật T quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999; bị cáo Trần T là người có công với cách mạng quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét về nhân thân: Bị cáo Đặng T có 02 án tích chưa được xóa: Tại bản án số 41/2011/HSST ngày 13/5/2011 Tòa án nhân dân Tp. B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp tài sản”; tại bản án số 43/2014/HSST ngày 11/9/2014 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án này Đặng T bị xác định là “tái phạm”.

Xét thấy: Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa. Trong vụ án “Cướp tài sản” bị cáo Đặng T là người khởi xướng và trực tiếp dùng dao uy hiếp tinh thần, dùng vũ lực đối với anh Đ nhằm chiếm đoạt tài sản; bị cáo Trần T là người giúp sức, do vậy cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Đặng T cao hơn bị cáo Trần T.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Anh H sau khi nhận lại điện thoại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Anh V yêu cầu bị cáo Đặng T phải bồi thường giá trị chiếc xe là 18.543.000đ (mười tám triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng). Đây là yêu cầu chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận, buộc bị cáo Đặng Thanh T có nghĩa vụ bồi thường cho anh V số tiền 18.543.000đ (mười tám triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

[4]. Về xử lý vật chứng: 02 con dao các bị cáo sử dụng uy hiếp anh Đ không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Đặng Thanh T phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Trần Nhật T phạm tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Đặng Thanh T 09 (chín) năm tù về tội “Cướp tài sản”, 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Nhật T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2017 ;

2/ Về phần dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Đặng Thanh T có nghĩa vụ bồi thường cho anh Vũ Quang V

số tiền 18.543.000đ (mười tám triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Đặng Thanh T phải nộp thêm 927.150đ (chín trăm hai mươi bảy ngàn một trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo, riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP B;
- Người tham gia tố tụng
- Chi cục T.H.A dân sự tp B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Tú

